

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026
của Thống kê tỉnh Đồng Tháp**

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-CTK ngày 30/9/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc giao Kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2026 đối với Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn 597/CTK-TCCB ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Cục Thống kê về việc điều chỉnh kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2026;

Căn cứ Công văn 711/CTK-THĐN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Cục Thống kê về việc thay đổi thời gian gửi Báo cáo kinh tế xã hội và Hợp báo kinh tế xã hội của Thống kê cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026 của Thống kê tỉnh Đồng Tháp gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và các sản phẩm không thường xuyên do Thống kê tỉnh Đồng Tháp biên soạn, phổ biến trong năm 2026.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026, các đơn vị thuộc Thống kê Tỉnh xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo phổ biến theo đúng thời gian quy định. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026 của Thống kê tỉnh Đồng Tháp, định kỳ hàng quý báo cáo Trưởng Thống kê tình hình thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Trưởng phòng các phòng thuộc cơ quan Thống kê Tỉnh và Trưởng Thống kê cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban THĐN - CTK;
- Lãnh đạo TKT;
- Các phòng cơ quan Thống kê Tỉnh;
- Thống kê cơ sở;
- Lưu: VT, P.TH.



Trần Thị Mỹ Hạnh

ĐIỀU CHỈNH LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THÔNG KÊ NĂM 2026
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-TKT ngày 09 tháng 4 năm 2026
 của Trưởng Thông kê tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
A	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
I	Ấn phẩm				
1	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 5/2026	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 7/2026	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 8/2026	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 10/2026	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
6	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 11/2026	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Tình hình sản xuất nông nghiệp				
1.1	Sản xuất nông nghiệp tháng 4	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.2	Sản xuất nông nghiệp tháng 5	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn	Phòng Thống kê

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	Nông nghiệp và Xã hội
1.3	Sản xuất nông nghiệp tháng 6	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.4	Sản xuất nông nghiệp tháng 7	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.5	Sản xuất nông nghiệp tháng 8	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.6	Sản xuất nông nghiệp tháng 9	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.7	Sản xuất nông nghiệp tháng 10	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.8	Sản xuất nông nghiệp tháng 11	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
1.9	Sản xuất nông nghiệp tháng 12	Ước tính	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
					ng nghiệp và Xã hội
2	<i>Sản xuất thủy sản</i>				
2.1	Sản xuất thủy sản tháng 4	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.2	Sản xuất thủy sản tháng 5	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.3	Sản xuất thủy sản tháng 6	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.4	Sản xuất thủy sản tháng 7	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.5	Sản xuất thủy sản tháng 8	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.6	Sản xuất thủy sản tháng 9	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.7	Sản xuất thủy sản tháng 10	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
					ng nghiệp và Xã hội
2.8	Sản xuất thủy sản tháng 11	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
2.9	Sản xuất thủy sản tháng 12	Ước tính	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông ng nghiệp và Xã hội
3	<i>Chỉ số sản xuất công nghiệp</i>				
3.1	Chỉ số sản xuất công ng nghiệp tháng 4	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công ng nghiệp và Xây dựng
3.2	Chỉ số sản xuất công ng nghiệp tháng 5	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công ng nghiệp và Xây dựng
3.3	Chỉ số sản xuất công ng nghiệp tháng 6	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công ng nghiệp và Xây dựng
3.4	Chỉ số sản xuất công ng nghiệp tháng 7	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công ng nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
3.5	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.6	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.7	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.8	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.9	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12	Ước tính	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ				
4.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 4	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 5	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
					Giá
4.3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 6	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 7	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 8	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 11	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.9	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 12	Ước tính	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5	<i>Chỉ số giá tiêu dùng</i>				
5.1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4	Chính thức	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.2	Chỉ số giá tiêu dùng	Chính	30/5/2026	Website và ấn	Phòng Thống kê

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	tháng 5	thức		phẩm	Dịch vụ và Giá
5.3	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6	Chính thức	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.4	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7	Chính thức	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.5	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8	Chính thức	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.6	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9	Chính thức	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.7	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10	Chính thức	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.8	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11	Chính thức	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.9	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12	Chính thức	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
6	<i>Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước</i>				
6.1	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 4	Ước tính	30/4/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
6.2	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 5	Ước tính	30/5/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.3	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 6	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.4	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 7	Ước tính	30/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.5	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 8	Ước tính	30/8/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.6	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 9	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.7	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 10	Ước tính	30/10/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6.8	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 11	Ước tính	30/11/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
6.9	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 12	Ước tính	30/12/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
B	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ				
I	Ấn phẩm				
1	Báo cáo kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Báo cáo kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Hệ thống chỉ tiêu thuộc chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp				
1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý II/2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
1.2	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ				
2.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý II/2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý III/2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
3	<i>Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội</i>				
3.1	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội II/2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.2	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội III/2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
4	<i>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh</i>				
4.1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4.2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý III và 9 tháng đầu năm 2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	<i>Doanh thu vận tải, kho bãi</i>				
5.1	Doanh thu vận tải, kho bãi quý II năm 2026	Ước tính	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
5.2	Doanh thu vận tải, kho bãi quý III năm 2026	Ước tính	30/9/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
6	<i>Tai nạn giao thông</i>				
6.1	Tai nạn giao thông quý II năm 2026	Sơ bộ	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
6.2	Tai nạn giao thông quý III năm 2026	Sơ bộ	30/9/2026	Website và ấn	Phòng Thống kê Dịch vụ và

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	Giá
C	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
I	Ấn phẩm				
1	Tờ gấp số liệu Thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/7/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Thông cáo báo chí kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/7/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Niên giám thống kê năm 2025	Sơ bộ	30/6/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Thông báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2026	Ước tính	06/01/2027	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025	Sơ bộ	15/4/2026	ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
01	Dân số và mật độ dân số	Chính thức 2024 và sơ bộ năm 2025	Tháng 10/2026	Website, ấn phẩm	- Phòng Thống kê Tổng hợp - Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
		Ước tính năm 2026	30/12/2026		
02	Lực lượng lao động	Chính thức	10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		2024 và sơ bộ năm 2025			Nông nghiệp và Xã hội
03	Lao động có việc làm trong nền kinh tế	Chính thức 2024 và sơ bộ năm 2025	10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
04	Năng suất lao động xã hội	Chính thức 2024 và sơ bộ năm 2025	10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
05	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Chính thức 2024 và sơ bộ năm 2025	10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
06	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025	Chính thức	30/11/2026	Website, ấn phẩm	Phòng Thống kê kinh tế
07	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	30/6/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
08	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu	Ước tính	30/6/2026	Website, ấn	Phòng Thống kê

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	năm 2026			phẩm và hợp báo	Tổng hợp
09	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026 (ước tính lần 1)	Ước tính	30/6/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
10	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026 (ước tính năm lần 1)	Ước tính	30/6/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
11	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026 (ước tính năm lần 2)	Ước tính	30/12/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
12	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026 (ước tính năm lần 2)	Ước tính	30/12/2026	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp

Ghi chú: Nếu lịch công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ sẽ dời sang ngày tiếp theo.